

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 62/2017/DS-ST

Ngày 02/8/2017

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT - TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Chính và ông Nông Hữu Dân.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2017/TLST-DS ngày 23/02/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2017/QĐXX-ST ngày 28 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/QĐST-DS ngày 17/7/2017; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích N- SN: 1968

Địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T-SN; 1963

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

(Bà N có mặt, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N trình bày:**

Bà Nguyễn Thị Bích N và bà Nguyễn Thị T có mối quan hệ quen biết với nhau nên vào ngày 30/6/2014 bà N có cho bà T vay số tiền 270.000.000 đồng, thỏa thuận miệng với nhau lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay là: 01 tháng sẽ trả đủ gốc và lãi. Khi vay bà T có viết giấy mượn tiền và có

tín chấp cho bà N 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản gốc) số BP 266380 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 23/10/2013 đứng tên bà Nguyễn Thị T.

Tuy nhiên cho đến nay, mặc dù bà N đã đến nhà bà T đòi tiền nhiều lần nhưng bà T cố tình tránh mặt và chưa trả cho bà N bất kỳ khoản nợ nào kể cả gốc và lãi. Vào ngày 04/4/2015 bà N đã khởi kiện bà T tại Tòa án nhân dân thành phố B; Tòa án đã thụ lý vụ án, đến ngày 09/6/2015 bà N đã có đơn xin rút đơn tại Tòa án vì lý do bà N chưa cung cấp được địa chỉ mới của bà T. Nay bà N phát hiện thấy bà T thi thoảng vẫn về thăm nhà và đăng ký hộ khẩu thường trú tại Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên bà N khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà N số tiền 270.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật là 9%/ năm.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị T:** Tòa án đã tiến hành thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng bà T không lên Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N đã xuất trình chứng cứ chứng minh cho việc khởi kiện là “Giấy mượn tiền” ngày 30/6/2014 có chữ ký của bà T và có đơn trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết. Vì vậy Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định và tại kết luận giám định số 25/PC54 ngày 12/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã xác định chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Thị T trong “Giấy mượn tiền” ngày 30/6/2014 đúng là chữ ký của bà T.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, còn bị đơn chấp hành chưa tốt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích N. Buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả số tiền: 270.000.000 đồng gốc và lãi suất theo quy định cho bà Nguyễn Thị Bích N theo giấy vay tiền ngày 30/6/2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ hai, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị T đã

được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do cố tình trốn tránh, không có ý kiến trình bày về các nội dung yêu cầu khởi kiện của bà N nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Nhưng theo xác minh tại địa phương thì được biết bà Nguyễn Thị T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và thi thoảng vẫn về thăm nhà. Vì vậy theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bích N, Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà Nguyễn Thị T trong giấy mượn tiền đề ngày 30/6/2014 mà bà N giao nộp cho Tòa án so với chữ ký, chữ viết của bà T trong “Đơn xin tuyên bố mất tích” ngày 01/02/2012, “Bản tự khai” ngày 24/12/2012, “Đơn xin nộp tiền thông báo nhậm tin” ngày 09/8/2012. Tại Bản kết luận giám định số 25/PC54 ngày 12/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký và chữ viết đứng tên Nguyễn Thị T trong Giấy mượn tiền ngày 30/6/2014 mà bà Nguyễn Thị Bích N giao nộp cho Tòa án so với mẫu so sánh là do cùng một người viết và ký ra. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận: Bà Nguyễn Thị T có vay của bà Nguyễn Thị Bích N số tiền 270.000.000 đồng vào ngày 30/6/2014, khi vay có tín chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản gốc) số BP 266380 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 23/10/2013 đứng tên Nguyễn Thị T, có viết giấy mượn tiền, không thể hiện về thời hạn vay và lãi suất vay mà bà N giao nộp cho Tòa án là đúng; thời gian qua bà N có đòi, bà T không trả là bà N là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó bà N khởi kiện yêu cầu bà T phải trả cho bà N số tiền 270.000.000 đồng tiền nợ gốc là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự 2005.

[3] Về lãi suất, Theo bà N thì khi vay tiền có thỏa bằng miệng với nhau lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay là: 01 tháng sẽ trả đủ gốc và lãi, bà N đã đòi tiền bà T nhiều lần nhưng bà T không trả, nay bà đề nghị chỉ tính lãi suất 9%/năm kể từ ngày bà T vi phạm là ngày 01/8/2014 đến nay. Xét yêu cầu tính lãi của bà N là có căn cứ, do đó lãi suất bà T phải trả cho bà N tính theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố từ ngày bà ngày 01/8/2014 cho đến nay, cụ thể: $270.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 03 \text{ năm (ngày 01/8/2014 đến 01/8/2017)} = 72.900.000 \text{ đồng}$.

Như vậy tổng cộng cả gốc và lãi lãi bà T phải trả cho bà N là: 342.900.0000 đồng.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản gốc) số BP 266380 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 23/10/2013 đứng tên Nguyễn Thị T khi vay tiền hai bên không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nên hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên trả cho bà Nguyễn Thị T khi bà T trả hết nợ cho bà N.

[4] Về án phí và chi phí giám định: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của Pháp luật cụ thể: $342.900.000 \text{ đồng} \times 5\% = 17.145.000 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T phải chịu: 4.320.000 đồng tiền chi phí giám định, bà N được nhận lại số tiền này khi thu từ bà T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích N.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích N số tiền 270.000.000 đồng tiền nợ gốc và 72.900.000 đồng tiền lãi, tổng cộng cả gốc và lãi là 342.900.0000 đồng (Ba trăm bốn mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng)

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi có đơn yêu cầu thi hành án.

Bà Nguyễn Thị Bích N có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP266380 do Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 23/10/2013 cho bà Nguyễn Thị T ngay khi bà T trả hết nợ cho bà N.

2. Về án phí và chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 17.145.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 4.320.000 đồng tiền chi phí giám định. Bà Nguyễn Thị Bích N được nhận lại số tiền 4.320.000 đồng tạm ứng chi phí giám định khi thu từ bà Nguyễn Thị T.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích N số tiền 6.750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu số 0041594 ngày 21/02/2017.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.B, tỉnh Đắk Lắk;
- P. Kiểm tra - TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Văn Vĩ